

Bản án số: 233/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23 – 02 – 2021

V/v “tranh chấp ly hôn, tài sản chung  
và khiếu kiện quyết định hành chính”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trịnh Minh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Thông;

2. Ông Phạm Văn Hề.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Vĩnh Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, tài sản chung, khiếu kiện Quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Anh Đ, sinh năm 1970. (Có mặt)

Thường trú: Số 220 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Tiếng – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nha Trang Sài Gòn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

2. Ông Phạm Bá Thiệu – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nha Trang Sài Gòn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 442 đường Điện Biên Ph, Phường X, quận BT, Thành phố H.

**- Bị đơn:** Ông Đoàn Trung H, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 220 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Trung H giải quyết phần tài sản chung: Bà Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 224 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. (Có mặt)

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1947

Địa chỉ: Số 220 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H: Bà Đoàn Thị Tuyết H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 220 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. (Có mặt)

2. Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phương A – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01 Tagore, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị Anh Đ trình bày:*

Bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 quyển số 01/2000 ngày 14/11/2000.

Cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác biệt nhau. Hai bên đương sự đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu ly hôn ông Đoàn Trung H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Lê Trân A, sinh ngày 04/5/2002 và Đoàn Lê Hải A, sinh ngày 30/11/2003. Bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Đoàn Trung H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích đất 158m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 158m<sup>2</sup>, kết cấu nhà ở vách gạch, mái tôn, một tầng, thuộc thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tọa lạc phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H.

Về nguồn gốc xây dựng căn nhà là do vợ chồng bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H sống chung với gia đình chồng, trong sinh hoạt hàng ngày, ông Đoàn Trung H có mâu thuẫn với anh em ruột nên năm 2001, vợ chồng bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H đã tự xây cất căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H trên phần đất có quán cà phê của gia đình bên chồng để vợ chồng ra ở riêng và sử dụng cho đến nay.

Về nguồn gốc đất của căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H do mẹ ruột ông Đoàn Trung H là bà Lê Thị

H làm giấy cho vào khoảng năm 2005 – 2006, thời điểm này vợ chồng bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H cùng bà Lê Thị H đã đến Phòng Công chứng để làm thủ tục.

Sau khi được bà Lê Thị H làm giấy cho đất vào khoảng năm 2005 – 2006, vợ chồng bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H đã làm thủ tục hợp thức hóa nhà đất và đã được cấp giấy chứng nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H.

Bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu giải quyết chia đôi tài sản chung, bà Lê Thị Anh Đ hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị, ông Đoàn Trung H hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tại thời điểm thi hành án. Bà Lê Thị Anh Đ đồng ý giao căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cho ông Đoàn Trung H được toàn quyền sở hữu, định đoạt, ông Đoàn Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Anh Đ  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H tại thời điểm thi hành án.

Về giá trị tài sản tranh chấp: Theo bà Lê Thị Anh Đ được biết hiện tại giá trị nhà đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là  $140.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 158\text{m}^2 = 22.120.000.000\text{đ}$  (Hai mươi hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn ông Đoàn Trung H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu ly hôn, ông Đoàn Trung H đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Lê Trân A, sinh ngày 04/5/2002 và Đoàn Lê Hải A, sinh ngày 30/11/2003, bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Đoàn Trung H cấp dưỡng nuôi con, ông Đoàn Trung H đồng ý.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông Đoàn Trung H có người đại diện ủy quyền là bà Đoàn Thị Thanh H trình bày:

Về nguồn gốc căn nhà và đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích đất  $158\text{m}^2$ , diện tích xây dựng  $158\text{m}^2$ , nhà ở vách gạch, mái tôn, một tầng, thuộc thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tọa lạc phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H là của bà Lê Thị H mẹ ruột của ông Đoàn Trung H cho ông Đoàn Trung H vào năm 1990. Đến năm 2007, ông Đoàn Trung H lập thủ tục hợp thức hóa nhà đất, tại thời điểm này, ông Đoàn Trung H đã có vợ là bà Lê Thị Anh Đ nên cơ quan Nhà nước yêu cầu ông Đoàn Trung H phải ghi tên vợ là bà Lê Thị Anh Đ vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận, nhưng đây là tài sản riêng của ông Đoàn Trung H nên ông Đoàn Trung H không đồng ý chia tài sản này cho bà Lê Thị Anh Đ.

Về giá trị tài sản tranh chấp: Do ông Đoàn Trung H không có giao dịch mua bán nhà đất tại địa phương nên không biết giá trị nhà đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là bao nhiêu, theo ý kiến bà Lê Thị Anh Đ giá trị nhà đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là  $140.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 158\text{m}^2 = 22.120.000.000\text{đ}$  (Hai mươi hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng), ông Đoàn Trung H đồng ý để làm cơ sở xét xử vụ án.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H có đại diện ủy quyền là bà Đoàn Thị Tuyết H trình bày:*

Về nguồn gốc căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích đất  $158\text{m}^2$ , diện tích xây dựng  $158\text{m}^2$ , nhà ở vách gạch, mái tôn, một tầng, thuộc thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tọa lạc phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H là của bà Lê Thị H cho riêng ông Đoàn Trung H vào năm 1990. Đến năm 2007, ông Đoàn Trung H lập thủ tục hợp thức hóa nhà đất, tại thời điểm này, ông Đoàn Trung H đã có vợ là bà Lê Thị Anh Đ nên cơ quan Nhà nước yêu cầu ông Đoàn Trung H phải ghi tên vợ là bà Lê Thị Anh Đ vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận, nhưng đây là tài sản riêng của ông Đoàn Trung H nên bà Lê Thị H không đồng ý yêu cầu chia tài sản này cho bà Lê Thị Anh Đ. Bà Lê Thị H yêu cầu xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H trình bày:*

Về nguồn gốc căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích đất  $158\text{m}^2$ , diện tích xây dựng  $158\text{m}^2$ , nhà ở vách gạch, mái tôn, một tầng, thuộc thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tọa lạc phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H do bà Nguyễn Thị N tạo lập trước năm 1975. Năm 1983, bà N chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho bà Lê Thị H sử dụng. Năm 1990, bà H chia cho con là ông Đoàn Trung H một phần nhà đất sử dụng, năm 1998 bà H sửa chữa lại nhà (không phép), năm 1999 ông Đoàn Trung H sửa chữa lại nhà (không phép) và trực tiếp sử dụng ổn định.

Về kê khai đăng ký: Theo sổ dã ngoại có ghi tên bà Lê Thị H.

Năm 2006, ông Đoàn Trung H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên. Trong thành phần hồ sơ, ông Đoàn Trung H có cung cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 quyền số 01/2000 ngày 14/11/2000 giữa ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H ngày 12/12/2006 về nguồn gốc và tình trạng tranh chấp liên quan đến nhà đất nêu trên, Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H, công

nhận diện tích đất 158m<sup>2</sup>, tài sản gắn liền với đất diện tích xây dựng = diện tích sử dụng 158m<sup>2</sup> thuộc thửa 512 (thửa cũ 67), tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tại địa chỉ số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo quy định tại Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H là phù hợp quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, động viên các đương sự nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Anh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Đoàn Trung H giữ nguyên trình bày không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của bà Lê Thị Anh Đ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông Đoàn Trung Hải cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Anh Đ thuận tình ly hôn ông Đoàn Trung H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Lê Trân A, sinh ngày 04/5/2002 và Đoàn Lê Hải A, sinh ngày 30/11/2003, bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Đoàn Trung H cấp dưỡng nuôi con, ông Đoàn Trung H đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H có căn nhà và đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H đã được Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007. Bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu giải quyết chia đôi tài sản chung, bà Lê Thị Anh Đ hưởng ½ giá trị, ông Đoàn Trung H hưởng ½ giá trị tại thời điểm thi hành án. Bà Lê Thị Anh Đ đồng ý giao căn nhà và đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cho ông Đoàn Trung H được toàn quyền sở hữu, định đoạt, ông Đoàn Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Anh Đ ½ giá trị căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H tại thời điểm thi hành án.

- Về yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H, bà Lê Thị Anh Đ không đồng ý vì: Sau khi bà Lê Thị H cho đất cho ông Đoàn Trung H vào năm 1990 thì bà Lê Thị H không còn quyền đối với diện tích đất này; tại thời điểm năm 2006 ông Đoàn Trung H xin cấp giấy chứng nhận nhà đất, ông H đã tự nguyện nhập tài sản này vào tài sản chung của vợ chồng,

sau khi có giấy chứng nhận nhà đất có tên bà Lê Thị Anh Đ thì ông Đoàn Trung H cũng không có ý kiến khiếu nại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, triệu tập đương sự, ủy thác, thu thập lời khai, yêu cầu cung cấp chứng cứ và tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 204, Điều 205, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hồ sơ được chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đúng thời hạn theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75, Điều 86, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

Nguyên đơn bà Lê Thị Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Trung H, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và chia tài sản chung là nhà đất số 222 Đặng Văn B, Khu phố 1, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Bị đơn ông Đoàn Trung H đồng ý ly hôn, giao con chung cho bà Lê Thị Anh Đ nuôi dưỡng, không đồng ý chia tài sản là nhà đất số 222 Đặng Văn B, Khu phố 1, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H vì đây là tài sản riêng của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ) cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H vì đây là căn nhà bà cho riêng ông Đoàn Trung H.

Xét thấy:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 83 quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp ngày 14/11/2000 cho ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông Đoàn Trung H cũng đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Anh Đ. Do đó chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Anh Đ và công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Đoàn Lê Trân A (sinh ngày 04/5/2002) và Đoàn Lê Hải A (sinh ngày 30/11/2003). Bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đoàn Trung H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đoàn Trung H đồng ý giao 02 con chung cho bà Lê Thị Anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Đoàn Lê Trân A và Đoàn Lê Hải A cũng muốn ở cùng bà Lê Thị Anh Đ. Do đó giao 02 con chung cho bà Lê Thị Anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con bà Lê Thị Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Theo bà Lê Thị Anh Đ trình bày quyền sử dụng đất có diện tích 158m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 512, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại số 222 Đặng Văn B, Khu phố 1, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H và căn nhà, công trình khác gắn liền diện tích đất là tài sản chung vợ chồng. Ông Đoàn Trung H cho rằng tài sản trên là tài sản riêng của ông, được bà Lê Thị H (mẹ ruột ông Đoàn Trung H) cho năm 1990. Mặc dù phần đất trên ông Đoàn Trung H được bà Lê Thị H cho trước khi kết hôn với bà Lê Thị Anh Đ, nhưng thời điểm đó đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000, ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ kết hôn thì đến năm 2006 ông Đoàn Trung H mới tiến hành làm thủ tục đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trong hồ sơ ông Đoàn Trung H cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyền số 01/2000 ngày 14/11/2000 giữa ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ. Sau đó ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ được Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ AH 837073 ngày 02/01/2007. Như vậy, có cơ sở xác định, về mặt ý chí ông Đoàn Trung H đã tự nguyện nhập tài sản riêng của mình vào tài sản chung vợ chồng. Ngoài ra khi được Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ AH 837073 ngày 02/01/2007 có tên của bà Lê Thị Anh Đ, ông Đoàn Trung H không có khiếu nại hay yêu cầu gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Lê Thị Anh Đ thừa nhận nhà đất là tài sản chung có nguồn gốc do bà Lê Thị H (mẹ ruột ông Đoàn Trung H) cho nên được xác định ông Đoàn Trung H có công sức đóng góp nhiều hơn. Do đó ông Đoàn Trung H được 60% giá trị nhà đất số 222 Đặng Văn B, Khu phố 1, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H và bà Lê Thị Anh Đ được hưởng 40% giá trị nhà đất. Như vậy giao nhà đất trên cho ông Đoàn Trung H sở hữu, định đoạt và ông Đoàn Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Anh Đ 40% giá trị.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/12/2020, ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ thống nhất căn nhà số 222 Đặng Văn B, Khu phố 1, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H có giá trị 22.120.000.000đ (Hai mươi hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Đây là căn cứ tính án phí theo quy định.

Về yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ) cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H. Như đã phân tích trên mặc dù phần diện tích đất được cấp giấy chứng nhận ông Đoàn Trung H được bà



Lê Thị H cho trước khi kết hôn với bà Lê Thị Anh Đ, nhưng thời điểm đó đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kết hôn với bà Lê Thị Anh Đ, ông Đoàn Trung H tiến hành làm thủ tục đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trong hồ sơ ông Đoàn Trung H cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyền số 01/2000 ngày 14/11/2000 giữa ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ. Sau đó ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ được Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ AH 837073 ngày 02/01/2007. Như vậy, ông Đoàn Trung H đã tự nguyện nhập tài sản riêng của mình vào tài sản chung vợ chồng và khi được Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ AH 837073 ngày 02/01/2007 có tên của bà Lê Thị Anh Đ, ông Đoàn Trung H không có khiếu nại hay yêu cầu gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ AH 837073 ngày 02/01/2007 cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H là đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H.

Bởi các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật Dân sự 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Anh Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Đoàn Lê Trân A (sinh ngày 04/5/2002) và Đoàn Lê Hải A (sinh ngày 30/11/2003) cho bà Lê Thị Anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Anh Đ về việc chia tài sản chung: bà Lê Thị Anh Đ được hưởng 40% giá trị căn nhà số 222 Đặng Văn B, Khu phố 1, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H và ông Đoàn Trung H được hưởng 60% giá trị căn nhà. Ông Đoàn Trung H nhận nhà và có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Anh Đ 40% giá trị căn nhà.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ) cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H.

- Án phí, lệ phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*



Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Trung H, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H có yêu cầu độc lập, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Khiếu kiện Quyết định hành chính” quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, tài sản tranh chấp tọa lạc tại quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Xét sự vắng mặt của Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H tại phiên tòa: Đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H đã có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Anh Đ, ý kiến phản bác của bị đơn ông Đoàn Trung H, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H:***

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời trình bày của bà Lê Thị Anh Đ, ông Đoàn Trung H và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H tự nguyện kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 quyển số 01/2000 ngày 14/11/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Lê Thị Anh Đ trình bày sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác biệt nhau. Hai bên đương sự đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Đối với ông Đoàn Trung H cũng thừa nhận trình bày của bà Lê Thị Anh Đ là đúng và đồng ý ly hôn bà Lê Thị Anh Đ. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cuộc sống chung vợ chồng giữa bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H không đem lại hạnh phúc; không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Anh Đ, công nhận bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Lê Trân A, sinh ngày 04/5/2002 và Đoàn Lê Hải A, sinh ngày 30/11/2003, bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Đoàn Trung H cấp dưỡng nuôi con, ông

Đoàn Trung H đồng ý; nguyện vọng của trẻ Đoàn Lê Hải A cũng đồng ý bà Lê Thị Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H về người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nguyện vọng của con chung chưa thành niên và phù hợp Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng:

Bà Lê Thị Anh Đ xác định vợ chồng có tài sản chung là căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích đất 158m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 158m<sup>2</sup>, kết cấu nhà ở vách gạch, mái tôn, một tầng, thuộc thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tọa lạc phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H. Bà Lê Thị Anh Đ yêu cầu giải quyết chia đôi tài sản chung, bà Lê Thị Anh Đ hưởng ½ giá trị, ông Đoàn Trung H hưởng ½ giá trị tại thời điểm thi hành án. Bà Lê Thị Anh Đ đồng ý giao căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cho ông Đoàn Trung H được toàn quyền sở hữu, định đoạt, ông Đoàn Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Anh Đ ½ giá trị căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H tại thời điểm thi hành án. Đối với ông Đoàn Trung H xác định vợ chồng không có tài sản chung, căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích đất 158m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 158m<sup>2</sup>, kết cấu nhà ở vách gạch, mái tôn, một tầng, thuộc thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tọa lạc phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H là tài sản riêng của ông Đoàn Trung H được bà Lê Thị H là mẹ ruột cho vào năm 1990. Xét thấy:

Tại Công văn số 4638/UBND – TNMT ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H thể hiện: “Căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ, Thành phố H có nguồn gốc do bà Lê Thị H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N vào năm 1983, đến năm 1990, bà H chia cho con là ông Đoàn Trung H một phần nhà đất sử dụng, năm 1998 bà H sửa chữa lại nhà (không phép), năm 1999 ông Đoàn Trung H sửa chữa lại nhà (không phép) và trực tiếp sử dụng ổn định. Về kê khai đăng ký: Theo sổ dã ngoại quản lý của Nhà nước do bà Lê Thị H đăng ký. Năm 2006, ông Đoàn Trung H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên. Trong thành phần hồ sơ, ông Đoàn Trung H có cung cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 quyển số 01/2000 ngày 14/11/2000 giữa ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường BT, quận TĐ, Thành phố H ngày 12/12/2006 về nguồn gốc và tình trạng tranh chấp liên quan đến nhà đất nêu trên không có tranh chấp nên Ủy ban nhân dân quận TĐ, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 cho bà Lê Thị Anh

Đ và ông Đoàn Trung H, công nhận diện tích đất  $158m^2$ , tài sản gắn liền với đất diện tích xây dựng = diện tích sử dụng  $158m^2$  thuộc thửa 512 (thửa cũ 67), tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tại địa chỉ số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ, Thành phố H”. Thời điểm ông Đoàn Trung H được bà Lê Thị H cho đất thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Song song đó, các tài liệu ông Đoàn Trung H cung cấp trong hồ sơ khi lập thủ tục hợp thức hóa nhà đất như đơn xin cấp giấy chứng nhận, tường trình nguồn gốc nhà đất đều thể hiện nguồn gốc căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là do mẹ ruột là bà Lê Thị H cho con là ông Đoàn Trung H vào năm 1990. Như vậy, có cơ sở xác định trước thời điểm ông Đoàn Trung H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên vào năm 2006, căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là tài sản riêng của ông Đoàn Trung H.

Tuy nhiên, năm 2006 khi ông Đoàn Trung H đề nghị Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, theo ông Đoàn Trung H trình bày đã được cơ quan có thẩm quyền giải thích về việc ghi tên bà Lê Thị Anh Đ vào giấy chứng nhận và ông Đoàn Trung H đã đồng ý cung cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 quyền số 01/2000 ngày 14/11/2000 do Ủy ban nhân dân phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên, ông Đoàn Trung H đã biết trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H nhưng ông Đoàn Trung H không có ý kiến phản đối, khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Do đó, có cơ sở xác định tại thời điểm xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên, về ý chí ông Đoàn Trung H đã tự nguyện xác lập nhập tài sản riêng của mình vào tài sản chung của vợ chồng, đồng ý cho bà Lê Thị Anh Đ cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 nên có căn cứ xác định căn nhà và đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích đất  $158m^2$ , tài sản gắn liền với đất diện tích xây dựng = diện tích sử dụng  $158m^2$  thuộc thửa 512 (thửa cũ 67), tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) là tài sản chung của vợ chồng ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ theo quy định tại Điều 27, Khoản 2 Điều 32 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét về công sức đóng góp, tạo lập tài sản chung của bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H, xét thấy:

Đối với bà Lê Thị Anh Đ: Bà Lê Thị Anh Đ trình bày năm 2001, vợ chồng bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H đã tự xây cất căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, tuy nhiên bà Lê Thị Anh Đ chỉ trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, tại Công văn số 4638/UBND – TNMT ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H thể hiện năm 1990, bà Lê Thị H chia một phần nhà đất của bà Lê Thị H cho con là ông Đoàn Trung H sử dụng, năm 1999 ông Đoàn Trung H sửa chữa lại nhà (không phép) và trực tiếp sử dụng ổn định, hai bên đương sự thừa nhận căn nhà hiện nay không thay đổi theo giấy chứng nhận đã được cấp nên không có cơ sở chấp nhận trình bày của bà Lê Thị Anh Đ.

Đối với ông Đoàn Trung H: Như nhận định nêu trên, tài sản chung là căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H được hình thành từ tài sản riêng của ông Đoàn Trung H, việc xây dựng và sửa chữa nhà cũng do ông Đoàn Trung H thực hiện trước khi kết hôn với bà Lê Thị Anh Đ.

Mặc dù ông Đoàn Trung H và bà Lê Thị Anh Đ đã thỏa thuận giao con chưa thành niên cho bà Lê Thị Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên bà Lê Thị Anh Đ thừa nhận hiện nay chi phí học hành của 02 con chung, chi phí điện, nước trong sinh hoạt gia đình do ông Đoàn Trung H thanh toán từ nguồn tiền cho thuê căn nhà số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở xác định ông Đoàn Trung H là người có công sức đóng góp, tạo lập tài sản chung nhiều hơn bà Lê Thị Anh Đ.

Tại Khoản 2 và Khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi giải quyết tranh chấp tài sản chung của vợ chồng, cần xem xét công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Như nhận định nêu trên, ông Đoàn Trung H có công sức đóng góp vào việc tạo lập khối tài sản chung là nhà, đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ, Thành phố H nhiều hơn bà Lê Thị Anh Đ nên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Anh Đ được chia 30% giá trị nhà, đất 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H; ông Đoàn Trung H được chia 70% giá trị nhà, đất 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Anh Đ, không chấp nhận trình bày phản bác của bị đơn ông Đoàn Trung H về tài sản chung của vợ chồng.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Giá trị tài sản tranh chấp: Tại biên bản hòa giải ngày 30/12/2020, các bên đương sự thống nhất giá trị nhà, đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là 22.120.000.000đ (Hai mươi hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Xét thấy việc thống nhất giá trị tài sản tranh chấp của các đương sự không vi phạm Quyết định số 02/2020/QĐ – UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, phù hợp Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 3 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính nên chấp nhận giá trị tài sản chung tranh chấp giữa bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H ngày 30/12/2020 về giá trị căn nhà đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là 22.120.000.000đ (Hai mươi hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng).

[6] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H:

Bà Lê Thị H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040

ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H, xét thấy:

Tại Công văn số 4638/UBND – TNMT ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H trình bày: “*Căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ, Thành phố H có nguồn gốc do bà Lê Thị H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N vào năm 1983, đến năm 1990, bà H chia cho con là ông Đoàn Trung H một phần nhà đất sử dụng, năm 1998 bà H sửa chữa lại nhà (không phép), năm 1999 ông Đoàn Trung H sửa chữa lại nhà (không phép) và trực tiếp sử dụng ổn định. Về kê khai đăng ký: Theo sổ dã ngoại quản lý của Nhà nước do bà Lê Thị H đăng ký...*”. Song song đó, các tài liệu ông Đoàn Trung H cung cấp trong hồ sơ khi lập thủ tục hợp thức hóa nhà đất như đơn xin cấp giấy chứng nhận, tường trình nguồn gốc nhà đất đều thể hiện nguồn gốc căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là do mẹ ruột là bà Lê Thị H cho con là ông Đoàn Trung H vào năm 1990. Như vậy, có cơ sở xác định trước thời điểm ông Đoàn Trung H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên vào năm 2006, căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H là tài sản của bà Lê Thị H cho riêng ông Đoàn Trung H. Kể từ thời điểm sau khi cho đất ông Đoàn Trung H vào năm 1990, bà Lê Thị H không còn quyền sử dụng đất đối với phần đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Năm 2006, khi ông Đoàn Trung H đề nghị Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, như nhận định nêu trên, về ý chí ông Đoàn Trung H đã tự nguyện xác lập nhập tài sản riêng của mình vào tài sản chung của vợ chồng, đã đồng ý cùng bà Lê Thị Anh Đ đứng tên giấy chứng nhận nhà đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H đã thẩm tra, xem xét về nguồn gốc và các tài liệu liên quan đến nhà đất khi ông Đoàn Trung H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H là đúng pháp luật theo quy định tại Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Sau khi bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên, bà Lê Thị H cũng không có ý kiến phản đối, khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H.

[7] Án phí HNGĐ – ST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Anh Đ phải chịu.

[8] Án phí DS – ST (Về tài sản chung): Bà Lê Thị Anh Đ, ông Đoàn Trung H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Án phí HC – ST: Bà Lê Thị H là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H; như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.

[11] Xét ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Anh Đ; như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Anh Đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37; Điểm a Khoản 2 Điều 38, Điều 91, Điều 96, Điều 104, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56, Khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Khoản 2 Điều 32 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Anh Đ đối với ông Đoàn Trung H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Anh Đ thuận tình ly hôn ông Đoàn Trung H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Lê Trân A, sinh ngày 04/5/2002 (Đã trưởng thành) và Đoàn Lê Hải A, sinh ngày 30/11/2003; Giao trẻ Đoàn Lê Hải A cho bà Lê Thị Anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đoàn Lê Hải A đối với ông Đoàn Trung H cho đến khi có yêu cầu của bà Lê Thị Anh Đ. Việc giao nhận trẻ Đoàn Lê Hải A do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung của vợ chồng:

Xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân:

Căn nhà và đất tại số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích đất 158m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 158m<sup>2</sup>, kết cấu nhà ở vách gạch, mái tôn, một tầng, thuộc thửa đất số 512 tờ bản đồ số 2 (tài liệu năm 2004) tọa lạc phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H là tài sản chung của vợ chồng bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H trong thời kỳ hôn nhân.

Chia tài sản chung của vợ chồng:

+ Bà Lê Thị Anh Đ được chia 30% giá trị nhà, đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các chi phí, phí, lệ phí thi hành án, đấu giá phát mãi tài sản.

+ Ông Đoàn Trung H được chia 70% giá trị nhà, đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các chi phí, phí, lệ phí thi hành án, đấu giá phát mãi tài sản.

+ Ông Đoàn Trung H được trọn quyền sở hữu nhà, đất số 222 đường Đặng Văn B, phường BT, quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H ngay khi thanh toán xong cho bà Lê Thị Anh Đ 30% giá trị nhà, đất nêu trên sau khi trừ các chi phí, phí, lệ phí thi hành án, đấu giá phát mãi tài sản và được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án là bà Lê Thị Anh Đ hoặc ông Đoàn Trung H có đơn yêu cầu thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc chậm thực hiện thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 837073 vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00040 ngày 02/01/2007 do Ủy ban nhân dân quận



TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp cho bà Lê Thị Anh Đ và ông Đoàn Trung H.

- Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Anh Đ phải chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013316 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

- Án phí DS-ST (Về tài sản chung):

+ Bà Lê Thị Anh Đ phải chịu 114.636.000đ (Một trăm mười bốn triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) bà Lê Thị Anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013316 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TĐ, Thành phố H. Bà Lê Thị Anh Đ còn phải nộp án phí DS-ST là 68.636.000đ (Sáu mươi tám triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

+ Ông Đoàn Trung H phải chịu 123.484.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

- Án phí HC-ST: Bà Lê Thị H được miễn.

Bà Lê Thị Anh Đ, ông Đoàn Trung H, bà Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ủy ban nhân dân quận TĐ (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND TP TĐ, TP.H;
- Chi cục THADS.TP TĐ;
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phan Trịnh Minh Đức**